

KT3-05572AHD7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/09/2017
Page 01/ 02

1. Tên mẫu : **UNIPOXY LINING PLUS TPA**
Name of sample **UNIPOXY LINING PLUS TPB**
2. Số lượng mẫu : 01
Quantity
3. Mô tả mẫu : Phần A : khoảng 1,8 L chất lỏng màu xanh/ *1,8 L of blue liquid*
Description Phần B: khoảng 0,8 L chất lỏng trong suốt / *0,8 L of transparent liquid*
4. Ngày nhận mẫu : 29/08/2017
Date of receiving
5. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH KCC VIỆT NAM**
Customer **Đường số 1, KCN Long Thành, Long Thành, Đồng Nai**
6. Thời gian thử nghiệm : 30/08/2017 – 14/09/2017
Test period
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02/02*
Test result

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.

**Nguyễn Phước Hải**

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Tỉ lệ pha trộn : A:B = 2:1 (theo thể tích)

Mixing ratio A:B = 2:1 (by volume)

Tên chỉ tiêu Characteristics	Phương pháp thử Test methods	Kết quả thử nghiệm Test results
PHẦN A		
7.1 Độ nhớt Stormer/ <i>Stormer viscosity</i> , KU	ASTM D 562 - 10	126,9
SAU KHI PHA TRỘN/ MIXING RATIO		
7.2 Độ mịn / <i>Fineness</i> , μm	ASTM D 1210 - 96	5
7.3 Độ bám dính / <i>Adhesion test</i> , điểm/ <i>grade</i>	ASTM D 3359 - 09	5B
7.4 Độ bóng quang học (góc tới 60°)/ <i>Specular gloss</i>	ASTM D 523 - 08	99,5
7.5 Độ bền va đập / <i>Impact resistance</i> , kgf.cm	ISO 6272-2 : 2013	60
7.6 Thời gian khô / <i>Drying time</i> , h	ASTM D 1640 - 99	4,9
7.7 Khả năng kháng kiềm/ <i>Alkali resistance</i>	JIS K 5551 : 1991	Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm 168 giờ trong dung dịch NaOH 5% (theo khối lượng)/ <i>No blistering after immersing in NaOH solution 5% (w/w) for 168 hours</i>
7.8 Khả năng kháng nước/ <i>Water resistance</i>	JIS K 5400 : 1990	Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm trong nước 24 giờ/ <i>The sample is free from abnormality even when immersed in water for 24 hours</i>
7.9 Khả năng chịu nhiệt (ở 105°C trong 24 giờ)/ <i>Thermal resistance (at 105°C for 24 h)</i>	ASTM D 2485 - 91 method A	Không có dấu hiệu hư hỏng ở 105 °C trong 24 giờ/ <i>Free from abnormality even when heated at 105°C for 24 h</i>